

Bản án số: 30/2019/HS-ST
Ngày 20 - 8 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Doanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Đăng Hùng

Ông Dương Văn Tập

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Bưởi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 20/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2019/TLST - HS ngày 29/7/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST - HS ngày 06/8/2019 đối với bị cáo:

Vũ Cường Q (tên gọi khác: không) - Sinh ngày 07 tháng 4 năm 1995 tại huyện Ba, tỉnh Bắc Kạn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Thanh V và bà Vương Thị X; vợ là Hứa Thị H ô; con: Có 01 con; tiền án: 01 (một) - Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, bị cáo bị xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt.

- Bị hại: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên 686 - Địa chỉ: Tổ N, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông Đào Bá C - Sinh năm 1974; Chức vụ : Phó giám đốc Công ty TNHH MTV 686 - Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng : Anh Luân Đoàn T - Sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1993; Trú tại: Tổ 1A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn - Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Chị Hoàng Thị Lan P - Sinh năm 1992; Trú tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

- Người làm chứng: Ông Hoàng Văn S - Sinh năm 1958; Trú tại: Thôn K, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 28/12/2018, Vũ Cường Q (sinh năm 1995; trú tại: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn) đang chơi tại đoạn đường thuộc khu vực phường N, thành phố B thì gặp Luân Đoàn T (sinh năm 1986; trú tại thôn N, xã N, huyện B) đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97F5 - 7571. T rủ Q đi trộm cắp sắt tại công trường thi công đường nông thôn mới tại thôn N, xã N, huyện B. Q đồng ý và ngồi lên xe mô tô để T chở về nhà T. Đến 22 giờ cùng ngày, T và Q đi bộ đến đoạn đường đang thi công tại thôn N, xã N có mang theo một bao tải chứa màu da cam lấy từ nhà T và cùng nhau nhổ các cọc sắt đóng hai bên đường giữ các tá m cốp pha đổ bê tông, mỗi cọc dài khoảng 30cm. Sau khi nhổ được các cọc sắt trên đoạn đường dài khoảng 50m, Q và Tiếp cho vào bao tải chứa đã chuẩn bị trước rồi mang đi cất giấu tại vị trí cách nơi lấy trộm khoảng vài chục mét. Sau đó, cả hai về nhà T ngủ. Đến 08 giờ ngày 29/12/2018, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97F5 - 7571 chở Q đến chỗ cất giấu bao tải đựng các cọc sắt trộm được đem đến cửa hàng thu mua vật liệu của chị Nguyễn Thị L (sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 1A, phường Đ, thành phố B). Chị L cân được 53kg và mua với giá 6000đ/kg. Do không có tiền lẻ nên chị L trả số tiền 320.000đ cho Q, T. Sau khi nhận tiền, Q và T đã cùng nhau tiêu sài hết số tiền trên. Còn chị L đã bán 53kg sắt cho một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ.

Ngày 05/01/2019, ông Hoàng Văn S (sinh năm 1958; trú tại: Thôn K, xã N, thành phố B) là người được thuê trông coi công trình làm đường có đơn trình báo vụ việc mất trộm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (CQCSĐT) Công an huyện B.

Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KL - ĐGTS ngày 18/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: “Tại thời điểm tháng 12/2018, 53kg sắt đã qua sử dụng có giá là 318.000 đồng (ba trăm mười tám nghìn đồng)”.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS-BT ngày 26/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện B để xét xử đối với Vũ Cường Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
- Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo tù 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.
- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.
- Về trách nhiệm dân sự: do bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.
- Về vật chứng, biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự : Bị cáo Vũ Cường Q và Luân Đoạn T phải nộp lại số tiền 320.000đ do phạm tội mà có để nộp vào ngân sách Nhà nước.
- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt. Người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan Luân Đoạn T thừa nhận vào ngày 28/12/2018 được cùng Q trộm cắp các cọc sắt tại đoạn đường nông thôn mới thuộc thôn N, xã N và mang đi tiêu thụ lấy tiền tiêu sài cá nhân . Chị Hoàng Thị Lan P khai không biết mục đích của T lấy xe của chị P mang tài sản trộm cắp đi tiêu thụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về hành vi và quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như bản cáo trạng truy tố . Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để khẳng định: Hồi 22 giờ 00 phút ngày 28/12/2018, Vũ Cường Q cùng với Luân Đoạn T đã lén lút chiếm đoạt 53kg sắt dùng để giữ cốp pha đổ bê tông của Công ty TNHH MTV

686 tại đoạn đường nông mới thuộc thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn có trị giá 318.000đ (ba trăm mười tám nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo được thực hiện khi bị cáo đã có đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tuy giá trị tài sản bị chiếm đoạt dưới 2.000.000đ nhưng ngày 20/3/2018, Vũ Cường Q đã bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, đang trong thời gian chấp hành án thì ngày 28/12/2018 Q lại trộm cắp tài sản. Do đó, hành vi của Q đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Cáo trạng số 29/CT-VKS-BT ngày 26/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông truy tố Vũ Cường Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội.

Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có nội dung:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

b, Đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy: Bị cáo có nhân thân xấu - Đã từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, gây thiệt hại không lớn nên được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo gây ra đối với xã hội, xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy cần buộc bị cáo đi cải tạo tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính giáo dục cho bị cáo và tính răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Vì vậy, mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong thời gian đang chấp hành thời gian thử thách của án treo tại bản án số 05/2018/HS - ST ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B. Ngày 25/7/2019, Quốc bị xét xử trong một vụ án khác và hình phạt của bản án số 05/2018/HS - ST của Tòa án nhân dân thành phố B đã được tổng hợp trong bản án này.

Về hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xét thấy bị cáo là người lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không có khả năng thi hành. Vì vậy, HĐXX không áp dụng.

Đối với Luân Đoàn T là người cùng bị cáo Q trộm cắp tài sản, tuy nhiên do giá trị tài sản bị chiếm đoạt dưới 2.000.000đ và T chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên Công an huyện B ra quyết định xử phạt hành chính đối với T là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị L là người đã mua 53kg sắt do Q, T trộm cắp mà có nhưng khi mua bán, chị L không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên CQCSĐT không xử lý hình sự đối với chị L là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chị Hoàng Thị Lan P là chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97F5 - 7571 mà T sử dụng để vận chuyển tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ, nhưng do chị P không biết mục đích của T nên CQCSĐT không xử lý P là đúng quy định.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị L không có yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về vật chứng của vụ án:

Quá trình điều tra, CQCSĐT không thu giữ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97F5 - 7571 của chị Hoàng Thị Lan P.

Chiếc bao tải i chứa màu da cam mà Q, T dùng để đựng tài sản trộm cắp. Sau khi Q, T bán các cọc sắt đã để lại bao tải tại cửa chị L và sau đó chị L cho người khác nên CQCSĐT không thu giữ được.

Số tiền 320.000đ do bán tài sản trộm cắp mà có, Q và T cùng nhau chi tiêu cá nhân hết. Do đó cần buộc Q và T nộp lại số tiền trên để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Vũ Cường Q phạm: “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vũ Cường Q 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Về vật chứng, biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Buộc Vũ Cường Q phải nộp lại số tiền 160.000đ (một trăm sáu mươi nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc Luân Đọan T phải nộp lại số tiền 160.000đ (một trăm sáu mươi nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo Vũ Cường Q phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo Vũ Cường Q, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Luân Đọan T, Hoàng Thị Lan P quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Công ty TNHH MTV 686, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bạch Thông;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Công an huyện B;
- Bị cáo; bị hại; đương sự;
- Chi cục THADS huyện B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thế Doanh